

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH LIÊM
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 07 - 4 - 2021

V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH LIÊM - TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Lại Xuân Cảnh;

Các Hội thẩm nhân dân: ông Quách Xuân Luyện và ông Nguyễn Thế Quý

- Thư ký phiên tòa: bà Hoàng Thị Vân Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: ông Vũ Đình Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 98/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2020 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2021/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** anh Cao Văn K - sinh năm 1973; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

* **Bị đơn:** chị Nguyễn Thị H - sinh năm 1980; vắng mặt lần thứ hai không có lý do;

Cùng nơi ĐKKHKT: thôn DN (nay là thôn TP), xã TP, huyện TL, tỉnh Hà Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/11/2020 và bản tự khai, nguyên đơn - anh Cao Văn K trình bày:* anh và chị Nguyễn Thị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh Phong, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam ngày 15/9/2001. Sau khi kết hôn, anh chị sống ở thôn DN (nay là thôn TP), xã TP. Anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị không hợp nhau về tính cách, hơn nữa anh làm ăn kinh tế thua lỗ, dẫn đến kinh tế vợ chồng khó khăn. Anh còn phải nuôi 02 con riêng với người vợ trước, nên khi có con chung với chị H, thì kinh tế vợ chồng khó khăn hơn, vợ chồng có nhiều xung đột, dẫn

dần tình cảm lạnh nhạt . Anh chị không có sự đồng cảm , sẻ chia, việc chăm sóc con chung, con riêng gặp nhiều khó khăn, vất vả. Đến năm 2010, anh chị sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm . Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên bảo về đoàn tụ, song không thành. Nay, anh xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng , kéo dài nhiều năm nay, tình cảm vợ chồng không còn , đề nghị Tòa án giải quyết t cho anh được ly hôn với chị H.

Về con chung : vợ chồng có 01 con chung là Cao Việt B - sinh ngày 04/6/2002; hiện cháu B đã trên 18 tuổi, học Cao đẳng và tự lập được , nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: vợ chồng không có tài sản chung gì, nên anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về công nợ: vợ chồng không nợ ai và không ai nợ vợ chồng, nên anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

** Tại bản tự khai ngày 23/12/2020, bị đơn - chị Nguyễn Thị H trình bày:* chị kết hôn với anh Cao Văn K trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh Phong năm 2001. Nay, anh K xin ly hôn , chị đồng ý ly hôn . Về con chung: vợ chồng có 01 con chung là Cao Việt B - sinh ngày 04/6/2002, hiện cháu đang học Trường Cao đẳng Bách Khoa , nên chị không yêu cầu giải quyết về con chung.

Về tài sản : không có; về công nợ, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm đã nhiều lần triệu tập, thông báo cho chị Nguyễn Thị H đến Tòa án để tham gia các buổi kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng chị H đều vắng mặt không có lý do. Mặc dù Tòa án cùng chính quyền xã Thanh Phong đã đến gia đình chị H để tổng đạt các văn bản, chị H và mẹ đẻ chị H là bà Tống Thị Th đã nhận các văn bản của Tòa án, song chị H không đến Tòa án làm việc. Vì vậy, Tòa án không thể tiến hành hòa giải giữa các đương sự được; đồng thời Tòa án đã phải niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

** Xác minh tại chính quyền địa phương xác định:* anh Cao Văn K và chị Nguyễn Thị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện , đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh Phong, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam ngày 15/9/2001. Sau khi kết hôn , anh chị chung sống ở thôn DN (nay là thôn TP), xã TP. Anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc vài năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do anh K làm ăn kinh tế thua lỗ, dẫn đến kinh tế vợ chồng khó khăn, có nhiều xung đột, dần dần tình cảm lạnh nhạt . Anh chị sống ly thân từ năm 2008 đến nay, không còn quan tâm đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Hiện nay, chị H vẫn sinh sống ở địa phương, còn anh K thường đi làm

xa nhà. Nay, anh K xin ly hôn chị H, địa phương thấy anh chị sống ly thân đã nhiều năm nay, việc đoàn tụ là không thể, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn theo quy định của pháp luật.

*** Tại phiên tòa,**

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; thực hiện đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 147 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội - xử cho ly hôn giữa anh Cao Văn K và chị Nguyễn Thị Hà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng : căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của anh Cao Văn K có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn” quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn là chị Nguyễn Thị H hiện cư trú tại xã TP, huyện TL, tỉnh Hà Nam ; nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do; theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân : hôn nhân giữa anh Cao Văn K và chị Nguyễn Thị H là tự nguyện, hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hòa thuận , hạnh phúc được vài năm thì phát sinh mâu thuẫn . Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do anh K làm ăn kinh tế thua lỗ , dẫn đến kinh tế vợ chồng khó khăn , có nhiều xung đột, dần dần tình cảm lạnh nhạt . Anh chị sống ly thân đã nhiều năm nay. Hội đồng xét xử thấy: mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Cao Văn K và chị Nguyễn Thị H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc anh K xin ly hôn chị H là có căn cứ, phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: anh Cao Văn K và chị Nguyễn Thị H có 01 con chung là Cao Việt B - sinh ngày 04/6/2002, hiện nay cháu B đã trên 18 tuổi, học Cao

Đăng và tự lập được ; anh K và chị Hà đều không yêu cầu giải quyết về con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: anh Cao Văn K phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Căn cứ khoản 4 Điều 147, các điều 238, 266 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa anh Cao Văn K và chị Nguyễn Thị H.
2. Án phí ly hôn sơ thẩm: anh Cao Văn K phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà anh K đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Liêm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005125 ngày 09/11/2020.
3. Quyền kháng cáo đối với bản án: các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.
4. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Thanh Liêm;
- Chi cục THADS huyện Thanh Liêm;
- UBND xã Thanh Phong, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam;
- Đương sự;
- Công thông tin điện tử của Tòa án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Xuân Cảnh